

Số: 24 /2012/TT-BCA

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2012

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện chế độ
phụ cấp công vụ trong Công an nhân dân**

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp công vụ;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp công vụ trong Công an nhân dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp công vụ trong Công an nhân dân theo quy định tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng

1. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, nhân viên Công an và lao động hợp đồng hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân, bao gồm:

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật.

b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn.

c) Công nhân, nhân viên Công an và lao động hợp đồng (trong định mức của Bộ) hưởng lương theo các bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Những người đang trong thời gian tạm tuyển, thử việc tại Công an các đơn vị, địa phương.

b) Học viên hưởng sinh hoạt phí đang học tại các học viện, các trường trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân.

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, cán bộ, công nhân, nhân viên và lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp của lực lượng Công an nhân dân.

d) Lao động hợp đồng không trong định mức của Bộ, hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hoặc hưởng theo mức lương khoán, mức lương thoả thuận (không xếp theo thang, bảng lương do Nhà nước quy định).

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, nhân viên công an và lao động hợp đồng đã nghỉ hưu, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động trước ngày 01 tháng 5 năm 2012.

Điều 3. Mức phụ cấp và công thức tính hưởng

1. Mức phụ cấp công vụ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này bằng 25% mức lương cấp bậc hàm, mức lương ngạch bậc hoặc mức phụ cấp cấp bậc hàm, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng.

2. Công thức tính mức tiền phụ cấp công vụ được hưởng hàng tháng như sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{công vụ} \\ \text{được hưởng} \\ \text{hàng tháng} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Hệ số lương cấp} \\ \text{bậc hàm, ngạch bậc} \\ \text{hoặc hệ số phụ cấp} \\ \text{cấp bậc hàm + (cộng)} \\ \text{phụ cấp chức vụ lãnh} \\ \text{đạo và phụ cấp thâm} \\ \text{niên vượt khung (nếu} \\ \text{có) hiện hưởng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Mức} \\ \text{lương} \\ \text{tối thiểu} \\ \text{chung} \end{array} \right) \times 25\%$$

Mức lương tối thiểu chung thực hiện theo quy định của Nhà nước (*mức lương tối thiểu chung để tính hưởng phụ công vụ từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 là 1.050.000 đồng/tháng*).

* Khi tính mức tiền phụ cấp công vụ của mỗi người, nếu có số lẻ từ 50 đồng trở lên thì làm tròn thành 100 đồng, nếu dưới 50 đồng thì bỏ.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn A, Đội trưởng; hưởng lương hệ số 6,00 (cấp bậc hàm Thiếu tá), phụ cấp chức vụ lãnh đạo hệ số 0,3. Mức tiền phụ cấp công vụ một tháng của đồng chí A là:

$$(6,00 + 0,30) \times 1.050.000 \text{ đồng} \times 25\% = 1.653.800 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 2: Đồng chí Lê Thị H, Thiếu tá chuyên môn kỹ thuật; hưởng lương hệ số 5,20 (N2-SC) + 6% phụ cấp thâm niên vượt khung. Mức tiền phụ cấp công vụ một tháng của đồng chí H là:

$$(5,20 + 5,20 \times 6\%) \times 1.050.000 \text{ đồng} \times 25\% = 1.446.900 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Văn B, hạ sĩ quan phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân; hưởng hệ số phụ cấp 0,60 (cấp bậc hàm Trung sĩ). Mức tiền phụ cấp công vụ một tháng của đồng chí B là:

$$0,60 \times 1.050.000 \text{ đồng} \times 25\% = 157.500 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 4: Chị Nguyễn Thị T, lao động hợp đồng nấu ăn; hưởng lương hệ số 2,80. Mức tiền phụ cấp công vụ một tháng của chị T là:

$$2,80 \times 1.050.000 \text{ đồng} \times 25\% = 735.000 \text{ đồng.}$$

Điều 4. Nguyên tắc, cách tính hưởng phụ cấp

1. Phụ cấp công vụ được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng và không tính để đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Đối tượng được hưởng phụ cấp công vụ nếu chuyển sang đối tượng không được hưởng phụ cấp công vụ thì thôi hưởng phụ cấp công vụ kể từ tháng tiếp theo. Các trường hợp được chuyển đổi ngược lại thì được hưởng phụ cấp công vụ kể từ tháng được chuyển đổi.

3. Đối tượng được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp trách nhiệm nghề (thanh tra viên, chuyên trách công tác kiểm tra Đảng, biểu diễn nghệ thuật...) hoặc phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân; đồng thời thuộc đối tượng được hưởng phụ cấp công vụ quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư này thì cũng được hưởng chế độ phụ cấp công vụ theo quy định tại Thông tư này.

4. Đối tượng hưởng phụ cấp công vụ quy định tại khoản 1, Điều 2 Thông tư này không được tính hưởng phụ cấp công vụ trong thời gian sau:

a) Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài được hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4, Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Thời gian nghỉ việc riêng liên tục từ 01 tháng trở lên.

c) Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

d) Thời gian nghỉ công tác chờ hưởng chế độ hưu trí.

đ) Thời gian tham dự khóa huấn luyện chiến sĩ mới của hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân.

e) Thời gian bị đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí chi trả chế độ phụ cấp công vụ quy định tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm và được thực hiện theo hướng dẫn của Cục Tài chính.

Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có thu trong Công an nhân dân, kinh phí đảm bảo chi trả phụ cấp công vụ (nếu có) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-BCA ngày 21 tháng 01 năm 2010 của Bộ Công an quy định chế độ quản lý tài chính đơn vị sự nghiệp công lập có thu trong Công an nhân dân.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

2. Chế độ phụ cấp công vụ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012.

Bãi bỏ Thông tư số 61/2011/TT-BCA ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp công vụ trong Công an nhân dân.

3. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập và xét duyệt, chi trả phụ cấp công vụ theo đúng quy định tại Thông tư này đối với đối tượng hiện do đơn vị, địa phương chi trả tiền lương, phụ cấp.

4. Cục Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán kinh phí đảm bảo thực hiện chế độ phụ cấp công vụ tăng thêm năm 2012 và tổng hợp kinh phí tăng thêm của Bộ Công an báo cáo lãnh đạo Bộ đề nghị Bộ Tài chính cấp bổ sung theo quy định.

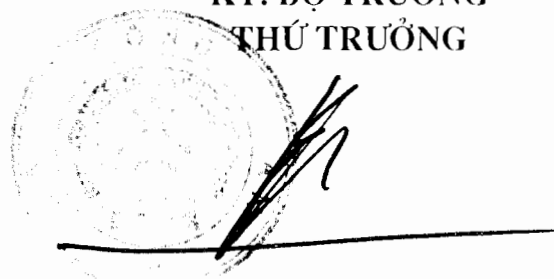
Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân) để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết. /

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đ/c Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Tổng cục, Bộ tư lệnh, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở PCCC các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, X11(X33-P2).

(để thực hiện)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trung tướng Bùi Quang Bền